

Bản án số: 574/2019/HSPT

Ngày 26 tháng 9 năm 2019

“ Trần Quốc V

Giết người, cướp tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Quốc V do người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Bị cáo bị kháng cáo: Trần Quốc V (Tên gọi khác: N), sinh ngày 20/3/1987 tại tỉnh L; Thường trú: Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Trần Văn Tài và bà Nguyễn Thị Kim Liên; Vợ: Huỳnh Thị Tuyết Ngân có 01 con sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 60 QĐ/XP ngày 03/11/2015 của Công an huyện D, tỉnh L phạt 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, nộp phạt xong vào ngày 18/3/2018; Nhân thân: Bản án số 20/2008/HSPT ngày 27/02/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh L phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”; Bị bắt, tạm giam từ ngày 28/01/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Đỗ Trọng Hiền – Văn phòng luật sư Tín Nghĩa thuộc Đoàn luật sư tỉnh L.

Người bị hại: Anh Võ Thành T, sinh năm 1990 (chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

- Ông Võ Thành T¹, sinh năm 1960 là cha của bị hại – Có mặt;

- Bà Nguyễn Thị T², sinh năm 1965 là mẹ của người bị hại – Có mặt;

- Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1991 là vợ của người bị hại – Có mặt;

Cùng trú số 41 thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

Bà T² và chị Y không kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của người bị hại: Luật sư Trần Văn Tạo thuộc Đoàn luật sư Thành phố H – Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Không kháng cáo): Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1967; Trú 49 Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L – Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

1. Giám định viên:

1.1. Ông Mai Quang Lộc – Bác sĩ pháp y, Giám định viên Trung tâm giám định pháp y tỉnh L – Vắng mặt.

1.2. Ông Phạm Văn Độ - Giám định viên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L – Vắng mặt.

2. *Người làm chứng:*

2.1. Ông Trần Quang V¹, sinh năm 1991 – Có mặt;

Trú 49 Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.2. Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Trú Thôn Tân Lạc 2, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.3. Ông Hoàng Văn T³, sinh năm 1993 – Vắng mặt;

Trú Thôn Tân Phú, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.4. Ông Triệu Tiến C, sinh năm 1974 – Vắng mặt;

Trú Thôn Tân Phú 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.5. Ông Trần Hùng M, sinh năm 1964 – Có mặt;

Trú Khu 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh L.

2.6. Bà Nguyễn Thị Thanh T⁴, sinh năm 1992 – Vắng mặt;

Trú Thôn 4, xã Tam Bồ, huyện D, tỉnh L.

2.7. Ông Phạm Hữu Hoàng N¹, sinh năm 1988 – Vắng mặt;

Trú 26 Thôn Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa, huyện D, tỉnh L.

2.8. Ông Nguyễn T⁵, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Trú Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.9. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

Trú Thôn Hiệp Thành 1, xã Tam Bồ, huyện D, tỉnh L.

2.10. Ông Huỳnh Văn Bé B, sinh năm 1969 – Có mặt;

Trú Thôn Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ, huyện D, tỉnh L.

2.11. Ông Ngô Quang T⁶, sinh năm 1972 – Có mặt;

Trú Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.12. Ông Hoàng Văn L¹, sinh năm 1972 – Vắng mặt;

Trú Thôn Đồng Lạc 2, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.13. Ông Trần Bảo N², sinh năm 1995 – Vắng mặt;

Trú 49 Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.14. Ông Trần Trung M¹, sinh năm 1973 – Có mặt;

Trú 54 Hùng Vương, thị trấn D, huyện D, tỉnh L.

2.15. Bà Huỳnh Thị Tuyết N³, sinh năm 1990 – Có mặt;

Trú Thôn Đồng Lạc 1, xã Đình Lạc, huyện D, tỉnh L.

2.16. Cháu Lê Anh D, sinh năm 2001 – Vắng mặt;

Trú 164 Thôn 4, xã Tam Bồ, huyện D, tỉnh L.

Người giám hộ Lê Anh D: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1968 là cha của Lê Anh D, trú cùng địa chỉ Lê Anh D – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 ngày 23/01/2018, Võ Thành T điện thoại cho Trần Quốc V để đòi tiền nợ lâu chưa trả, V nói đang ngủ, sẽ gọi lại cho anh T sau. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T tiếp tục điện thoại đòi nợ thì V xin khát nợ nên T muốn gặp V để trực tiếp nói chuyện. Khoảng 11 giờ cùng ngày, V nhắn tin cho T hẹn “vô Minet”, một lúc sau, T điều khiển xe mô tô biển số 49G1-423.40 đến nhà V, V mở cửa cho T vào và cùng ngồi nói chuyện tại phòng khách. T yêu cầu V trả tiền, V xin khát 3-4 ngày nữa bán cà phê sẽ trả hoặc sau ngày 28/01/2018 là ngày cưới em của V sẽ trả. Nghe vậy, T chửi và dùng tay đấm trúng má phải của V. V tiếp tục xin khát nợ nhưng T tiếp tục dùng tay đấm vào ngực của V.

V ôm T và đẩy T lùi ra phía sau đung vào tủ quần áo (bằng nhôm, kính), làm đổ tủ ra sàn và T cùng V ngã theo, V cầm lấy đoạn dây dù dài 75 cm, 02 đầu dây được thắt nút rơi ra từ tủ quần áo rồi dùng hai tay cầm hai đầu đoạn dây dù để chấn cổ anh T. T dùng tay trái kéo dây ra thì V luồn dây vòng qua sau cổ T rồi kéo hai đầu đoạn dây xiết mạnh cổ T cho đến khi thấy ra máu ở mũi và miệng T thì dừng lại kiểm tra phát hiện anh T đã chết. V lấy dây thừng buộc xác anh T lại, cho vào bao tải rồi bỏ vào thùng carton đặt lên xe của T cột lại, chở vào vườn cà phê của gia đình V ở Tiểu khu 645, xã Tam Bồ, huyện D, dùng xà bách đào đất tại một hố có sẵn trong vườn bỏ xác T xuống hố thì thấy T có đeo 02 nhẫn kim loại màu vàng nên V tháo ra, đồng thời lục trong người T lấy 274.000 đồng cất vào túi, tiếp tục lấy 01 điện thoại di động Iphone, 01 ví da, một số giấy tờ và 01 quyển vở học sinh rồi chôn xác T và dùng một số cành cây khô đặt lên trên để tránh bị phát hiện. Sau đó, V đi lên đường mòn phân lô giấu 02 nhẫn vàng của T xuống đất trong hố trồng cà phê rồi nhặt một số giấy mảnh thùng carton châm lửa đốt ví, giấy tờ, quyển vở, đôi giày ba ta của T cùng với chiếc áo khoác của V do dính máu của T.

Sau đó, V vào chòi mặc áo khoác vào điều khiển xe của T chạy về hướng thành phố B. Trên đường đi do có mưa nên V mua 01 áo mưa mỏng màu xanh mặc vào tiếp tục điều khiển xe đến đoạn đèo B thuộc Tổ 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L thì dừng lại, đẩy xe xuống vực bên trái hướng đi rồi đi bộ về hướng thành phố B, vứt bỏ áo mưa, mũ bảo hiểm, điện thoại của T xong đón xe khách về lại D. Đến ngày 28/01/2018 thì bị bắt.

Kết luận giám định pháp y số 88/2018/KLPY ngày 30/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận nguyên nhân Võ Thành T chết vì ngạt cơ học do bị chẹn cổ bằng dây.

Biên bản định giá số 143/KL-HĐĐG ngày 15/3/2018 và số 189/KL-HĐĐG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D, tỉnh L kết luận: Xe mô tô Yamaha biển số 49G1-423.40 có giá trị 40.790.000 đồng; Điện thoại di động Iphone X 64GB Silver có giá trị 29.990.000 đồng; 02 nhẫn kim loại có giá trị 4.702.057 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 18/CT-VKS-P2 ngày 06/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L đã truy tố Trần Quốc V về tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*” theo điểm e khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc V phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V tù chung thân về tội “*Giết người*”; 04 (bốn) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 28/01/2018.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, trách nhiệm cấp dưỡng; xử lý vật chứng; án phí; trách nhiệm do chậm thi hành án; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2018, ông Võ Thành T¹ là người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn kháng cáo yêu cầu bị cáo phải chịu trách nhiệm về số tiền 27.000.000 đồng của anh T, yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại xem xét có đồng phạm khác hay không?

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Võ Thành T¹ là người đại diện hợp pháp của người bị hại giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt bị cáo lên tử hình và yêu cầu xem xét các vấn đề sau đây: Bị cáo có dự mưu giết người vì con ông đã chấp nhận cho khát nợ nhưng lại hẹn con ông đến nhà và có sẵn sợi dây dù siết cổ con ông; Thân thể con ông có nhiều vết thương do vật tày tác động. Bị cáo khai chỉ siết cổ con ông. Vậy ai là người đã gây ra các vết thương do vật tày tác động? Con ông không bị bệnh tật, sức khỏe tốt. Vậy tại sao bị cáo lại siết cổ con ông mà

con ông không có phản ứng gì? Chúng tôi có người đánh con ông nên con ông mới không phản xạ được; Việc thực nghiệm hiện trường chưa đầy đủ, thực nghiệm chỉ với một động tác mà động tác này không phù hợp với dấu dây siết cổ; Sức một người trong 1 giờ đồng hồ thì không thể đào được hầm giấu xác con ông, chúng tôi phải có nhiều người; Có người xác nhận vừa có người trả cho con ông 27.000.000 đồng. V khai thấy trong bóp có nhiều tiền nhưng không lấy mà đốt bỏ đi nhưng Tòa không buộc bị cáo phải bồi thường số tiền này và điều này cũng mâu thuẫn vì V lấy 02 nhẫn vàng trong bóp; Bị cáo chủ động giết con tôi vì khoảng 22 giờ đêm trước bị cáo gọi điện thoại nhưng con tôi không bắt máy nên tôi bắt máy thì bị cáo không nói gì, sáng hôm sau lại nhắn tin kêu con tôi đến rồi giết con tôi, nên bị cáo đã có dự mưu, đề nghị tăng hình phạt bị cáo lên tử hình.

Bà Nguyễn Thị T² và chị Nguyễn Thị Hải Y đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành T¹.

Bà Nguyễn Thị Kim L xin giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Những người làm chứng: Trần Quang V¹, Trần Hùng M, Huỳnh Văn Bé B, Ngô Quang T⁶, Trần Trung M¹ và Huỳnh Thị Tuyết N³ đều khai không ai chứng kiến việc bị cáo giết người, chỉ đến khi Công an bắt bị cáo thì mọi người mới biết. Ông M khai sáng 23/1/2018 ông có trả cho anh T 20 tờ tiền 500.000 đồng/tờ; ông Bé B khai bị cáo có hỏi mượn ông 01 bao cà phê nói là để bán lấy tiền mua đồ cưới cho em bị cáo, hiện nay gia đình bị cáo đã trả bao cà phê cho ông xong; ông M¹ khai ông chỉ thấy em của bị cáo đi vào vườn và ông có hỏi chuyện vài câu, không thấy dấu hiệu gì khác thường.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm xác định nguyên nhân do người bị hại không cho giãn nợ dẫn đến mâu thuẫn, đánh nhau nên bị cáo thực hiện hành vi giết người là không đúng, mà chứng cứ thể hiện anh T đã đồng ý cho bị cáo giãn nợ đến qua đám cưới em của bị cáo, nhưng chưa đến đám cưới thì bị cáo đã chủ động nhắn tin kêu anh T đến rồi giết chết anh T, có căn cứ để cho rằng bị cáo giết chủ nợ để không phải trả nợ, động cơ đê hèn nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T¹, tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Biên bản giám định pháp y thể hiện anh T có vết bầm trán và tụ máu hai mắt nhưng Cơ quan điều tra không lý giải được vì sao có các vết này. Kết luận điều tra cho rằng hướng bị cáo siết cổ anh T từ trước ra sau, làm cho ta hình dung khi siết cổ thì bị cáo đứng sau lưng của anh T; cũng chưa làm rõ ai là người đã xóa hết các dấu vết ở hiện trường vụ án. Đề nghị xem xét có đồng phạm khác trong vụ án.

Bị cáo Trần Quốc V khai nhận Bản án sơ thẩm xử bị cáo tội giết người là đúng, không oan. Bị cáo thiếu anh T 90 triệu đồng nhưng đã trả 75 triệu đồng, chỉ còn nợ anh T 15.000.000 đồng. Do anh T chửi và đánh bị cáo nên bị cáo đẩy anh T ra, anh T đe dọa bắt con bị cáo nên bị cáo lượm còng dây dù siết cổ anh T chết. Bị cáo xin được chấp hành theo hình phạt của Bản án sơ thẩm. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền bị cáo đã đốt của anh T theo yêu cầu của ông T¹ là 27 triệu đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bị cáo đã hẹn anh T sau ngày 28/01/2018 sẽ trả nợ, nhưng do anh T¹ đánh và chửi bị cáo nên bị cáo phạm tội không có động cơ đê hèn. Bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ là tác động gia đình bồi thường thiệt hại, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên hình phạt Bản án sơ thẩm đã quyết định cho bị cáo là tương xứng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành T¹.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm. Vụ án không có đồng phạm, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là tương xứng, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết tăng nặng mới nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đảm bảo hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, Kết luận giám định pháp y tử thi, biên bản thu giữ vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận vào ngày 23/01/2018, trong lúc anh Võ Thành T đến gặp bị cáo đòi nợ thì bị cáo Trần Quốc V dùng dây dù siết cổ anh Võ Thành T chết, sau đó sử dụng xe mô tô của anh T, chở xác anh T đến vườn cà phê, lấy tài sản trong người anh T rồi chôn giấu xác anh T. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Quốc V phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của ông Võ Thành T¹:

3.1. Đối với nội dung kháng cáo đề nghị xem xét có đồng phạm khác trong vụ án. Vấn đề này đã được ông T¹ nêu ra tại phiên tòa sơ thẩm ngày 31/8/2018, Tòa án sơ thẩm đã hoãn phiên tòa và ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung (số 05/2018/HSST-QĐ ngày 31/8/2018) để làm rõ. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L ra Quyết định số 04/QĐ-VKS-P2 ngày 10/9/2018 trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra điều tra bổ sung. Tại Bản kết luận điều tra bổ sung số 50/KLĐT ngày 09/10/2018 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L kết luận không có đồng phạm trong vụ án và trong quá trình chở xác nạn nhân vào vườn cà phê thì bị cáo có làm rơi xác nạn nhân xuống đường nhiều lần nên đã gây ra các vết bầm trên cơ thể nạn nhân. Kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng không có chứng cứ chứng minh có đồng phạm. Do đó, không có căn cứ để xác định có đồng phạm.

3.2. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường tiền của người bị hại mang theo bị mất 27.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường khoản tiền này, nên ghi nhận.

3.3. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là bị cáo giết người vì động cơ đê hèn quy định tại điểm q khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Không có chứng cứ nào thể hiện bị cáo giết chủ nợ (anh T) nhằm mục đích để không phải trả nợ. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo phần này.

3.4. Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt bị cáo lên tử hình. Xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng con người, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, gây đau thương tang tóc cho gia đình người bị hại, làm ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là: Tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi. Tuy nhiên bị cáo có quá trình nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù về hành vi cố ý gây thương tích, có tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác nhưng không chịu sửa chữa bản thân lại phạm tội với tính chất, mức độ ngày càng nguy hiểm hơn, nên không còn khả năng cải tạo, giáo dục được nữa, cần phải loại trừ vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo tù chung thân là không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại và đề nghị của luật sư bảo vệ cho người đại diện hợp pháp của người bị hại, sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luật sư bào chữa cho bị cáo.

[4] Người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, trách nhiệm cấp dưỡng; xử lý vật chứng; án phí; trách nhiệm do chậm thi hành

án; nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại. Sửa Bản án sơ thẩm số 52/2018/HSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L như sau:

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 40 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc V (Tên gọi khác: N) phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V (Tên gọi khác: N) tử hình về tội “*Giết người*”; 04 (bốn) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/01/2018.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Trần Quốc V (Tên gọi khác: N) được gửi đơn xin ân giảm đến Chủ tịch nước.

3. Ghi nhận bị cáo đồng ý bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền (bị cáo đã đốt) 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

4. Ông Võ Thành T¹ không phải chịu án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, trách nhiệm cấp dưỡng; xử lý vật chứng; án phí; trách nhiệm do chậm thi hành án; nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh L;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L;
- Công an tỉnh L;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Trại tạm giam Công an tỉnh L
(Trại tạm giam Công an tỉnh L tổng đạt cho bị cáo;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

